

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 - HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 39/2026/HNGĐ-ST
Ngày 12-02-2026
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tuấn Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Dung

Bà Bùi Thị Nhân

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Gấm** - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Hải Phòng

- Đại diện Viện Kiểm sát **nhân dân Khu vực 2 - Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông **Vũ Thành Lê** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 47/2025/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2025 về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2026/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Dương Thị T**; nơi cư trú: Số G đường số D, T, phường A, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Anh Đoàn Quang T1; nơi cư trú: Số G đường số D, T, phường A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/4/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn **chị Dương Thị T** bày:

Chị Dương Thị T xây dựng gia đình với anh **Đoàn Quang T1** trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai vào ngày 15/11/2016. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc, đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu

thuần do anh T1 không chung thủy nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh T1 đánh đập chị T. Đến tháng 8/2023 anh T1 bỏ nhà đi 11 ngày. Sau đó, hai vợ chồng lại về ở với nhau. Đến tháng 4/2025 vợ chồng lại phát sinh mâu thuẫn, anh T1 thường xuyên đánh đập chị T. Sự việc đã được gia đình hai bên động viên hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay chị T nhận thấy tình cảm giữa chị và anh T1 không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn với anh T1.

- Về con chung: Chị T và anh T1 có 02 con chung là Đoàn Thị Cẩm T2, sinh ngày 26/10/2017 và Đoàn Minh T3, sinh ngày 21/01/2022. Ly hôn, chị T xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con chung. Chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng việc nuôi con chung sau khi ly hôn.

- Về tài sản chung: Chị T và anh T1 tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Đoàn Quang T1 đến Tòa án làm việc nhưng anh T1 vắng mặt, không có lý do.

Quá trình xác minh tại địa phương thể hiện: Vợ chồng chị Dương Thị T và anh Đoàn Quang T1 kết hôn tự nguyện tại Ủy ban nhân dân phường L, *thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Sau khi lấy nhau một thời gian thì chị T và anh T1 về ở tại số nhà G đường số D, tổ dân phố T, phường A, thành phố Hải Phòng.* Quá trình chung sống năm 2025 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn thường xuyên cãi vã xô xát. Nay chị T có đơn xin ly hôn với anh T1 đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định

* Kiểm sát viên tham gia phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định về trình tự thủ tục tố tụng tại phiên tòa, nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 2 Điều 227; Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ *Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình*; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Dương Thị T được ly hôn anh Đoàn Quang T1; về con chung: Giao con chung là Đoàn Thị Cẩm T2, sinh ngày 26/10/2017 và Đoàn Minh T3, sinh ngày 21/01/2022 cho chị Dương Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chị T không yêu cầu tòa án giải quyết; về chia tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về án phí: Chị T phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn; bị đơn anh Đoàn Quang T1; hiện đang ở tại: Số G đường số D, T, phường A, Hải Phòng. Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án khởi kiện xin ly hôn giữa chị Dương Thị T và anh Đoàn **Quang** T1 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng.

[2] Về sự có mặt của các đương sự: Tại phiên tòa, bị đơn anh Đoàn Quang T1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Đoàn Quang T1.

[3] Về hôn nhân: Chị Dương Thị T và anh Đoàn Quang T1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai vào ngày 15/11/2016, tuân thủ đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình nên là hôn nhân hợp pháp.

[4] Qua tài liệu có trong hồ sơ có căn cứ xác nhận giữa chị T và anh T1 phát sinh mâu thuẫn trong sinh hoạt hàng ngày như chị T trình bày là đúng. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T1 trên thực tế không còn tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được. Bởi vậy, yêu cầu của chị T xin được ly hôn với anh T1 là hoàn toàn chính đáng, phù hợp với thực tế, phù hợp với quy định tại các điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về con chung: Chị T và anh T1 có 02 con chung là Đoàn Thị Cẩm T2, sinh ngày 26/10/2017 và Đoàn Minh T3, sinh ngày 21/01/2022. Trong trường hợp vợ chồng ly hôn, chị T có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung. Hội đồng xét xử nhận thấy, quá trình giải quyết vụ án, anh T1 không có ý kiến gì về việc nuôi con chung. Mặt khác, cháu T2 có nguyện vọng được ở với chị T. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị T giao cả hai con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Do chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[6] Về chia tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét việc phân chia tài sản chung giữa hai bên.

[7] Về án phí: Chị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 2 Điều 227; Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chị Dương Thị T được ly hôn với anh Đoàn Quang T1.

- Về nuôi con chung: Giao con chung là Đoàn Thị Cẩm T2, sinh ngày 26/10/2017 và Đoàn Minh T3, sinh ngày 21/01/2022 cho chị Dương Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con do hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về án phí: Chị Dương Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị T đã nộp đủ số tiền trên theo Biên lai thu tiền số 0002834 ngày 02 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

- Về quyền kháng cáo: Chị Dương Thị T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đoàn Quang T1 được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

- Về quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND khu vực 2 - Hải Phòng;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Phòng THADS khu vực 2 - Hải Phòng;
- UBND phường Long Bình, Đồng Nai
- (Cơ quan cấp ĐKKH số 399/2016);
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Tuấn Anh

